

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22 /2018/DS-ST

Ngày 26/10/2018

V/v tranh chấp: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Quy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Sông

2. Bà Nguyễn Thị Ngân Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/9/2018 về việc Kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn văn K

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện B, tỉnh Đắc Lắc. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M

Địa chỉ: Tổ 1, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2018 và Bản tự khai ngày 25/9/2018 nguyên đơn ông Nguyễn văn K trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị M đăng ký kết hôn vào ngày 23/9/2008 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Năm 2016, ông muốn cùng bà M chuyển vào Đ để sống cùng con nhưng bà M không đồng ý nên vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Tháng 5/2018 ông K bán nhà và chuyển vào thôn 3, xã E, huyện B, tỉnh Đ sinh sống. Từ đó đến nay hai ông bà không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Ông K cho rằng tình cảm vợ chồng ông đã không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà M.

Tại bản tự khai ngày 25/9/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Về thời điểm kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng đúng như trình bày của ông K. Nay ông K đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn, bà M cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Tại phiên tòa hôm nay, ông K vắng mặt và có Đơn xin giải quyết vắng mặt và lý do ông đang sống ở xa, không có điều kiện đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Trong đơn ông K đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho ông được ly hôn với bà M.

- Về con cái, tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà được ly hôn với ông K. Về con cái: không có; Về tài sản, công nợ: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu xin ly hôn:

Căn cứ vào lời khai được lưu trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn và bị đơn thống nhất khai: Ông K và bà M đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/9/2008 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà M là hôn nhân hợp pháp. Ông K và bà M phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 do hai ông bà không thống nhất được nơi sinh sống của vợ chồng. Từ tháng 5/2018 ông K đã bán nhà và chuyển vào tỉnh Đ sinh sống nên ông bà đã sống ly thân từ đó đến nay.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn K thấy: Mâu thuẫn của hai ông bà là không thống nhất được nơi sinh sống của vợ chồng. Ông K và bà M đã sống ly thân từ tháng 5/2018. Trong Đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ông K cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn. Bà M có mặt tại phiên tòa cũng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà được ly hôn với ông K. Xét thấy tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K. Xử cho ông K ly hôn với và Nguyễn Thị M.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, ông K phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn Nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K về việc xin ly hôn bà Nguyễn Thị M.

- Xử cho ông Nguyễn Văn K được ly hôn bà Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn K phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà đã nộp tại Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số: 00944 ngày 11 tháng 9 năm 2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà M biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKSND TP;
- Các đương sự;
- UBND phường M;
- THA;
- Lưu.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Quy